

CÔNG TY CỔ PHẦN ANSANIC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ANSANIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANSANIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109781584

3. Ngày thành lập: 18/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 66A, Ngõ 14 phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0862.276.188

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành ô tô, xe máy;	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; - Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị tin học;	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Buôn bán hàng nông, lâm sản	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Buôn bán lương thực, thực phẩm, thủy hải sản	4632
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:- Buôn bán các loại tủ bằng sắt, tôn và kim loại, Buôn bán kết bạc;	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Buôn bán hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, máy vi tính, đồ dùng gia đình;	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành xây dựng, nông, lâm, ngư nghiệp;	4659
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
24.	Đào tạo trung cấp Chi tiết:- Đào tạo nghề: Điện, điện lạnh, điện tử, điện dân dụng, cơ khí, kim khí	8532
25.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
26.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các sàn nhảy)	9329
28.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
29.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
30.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
31.	Lập trình máy vi tính	6201
32.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
33.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
34.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
35.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
36.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	6399

37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quảng cáo bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
44.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại và phi thương mại;	7310
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
46.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác	7490
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất sợi	1311
49.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
50.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
52.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
53.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
54.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
55.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
57.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất khung tranh, ảnh nghệ thuật (trừ tranh ảnh không được phép lưu hành);	1629
59.	In ấn	1811
60.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

61.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thảm âm ;	2399
62.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
63.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: - Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu	2630
64.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, đồ dùng gia đình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị tin học;	2640(Chính)
65.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
66.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện	2750
68.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
69.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
70.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển hành khách	4932
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa	4933
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	5229
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
80.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: -Tái sản xuất phần mềm	5820
81.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7912
82.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
83.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
84.	Xây dựng nhà để ở	4101
85.	Xây dựng nhà không để ở	4102

86.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng	4299
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Buôn bán khung tranh, ảnh nghệ thuật	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN MINH HẢI	TDP Thống Nhất, Thị trấn Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	026081004254	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		

2	TRẦN CHIẾN THẮNG	86 phố Lê Mật, Tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	98,000	013226192	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	98,000		
3	ĐỖ TIẾN DŨNG	Thôn Thanh Vân, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	001077022364	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN CHIẾN THẮNG** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*
 Sinh ngày: **22/03/1980** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **013226192**
 Ngày cấp: **11/11/2013** Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*
 Địa chỉ thường trú: *86 phố Lê Mật, tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *86 phố Lê Mật, tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
11. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**